

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2/2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển năm 2020
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng
12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi
trường quy định phương pháp tính, phương pháp thu, chế độ quản lý và sử dụng
tiền sử dụng khu vực biển;*

*Thực hiện Công văn số 153/HĐND-VP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất mức thu tiền sử dụng
khu vực biển năm 2020 trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2852/TTr-STC
ngày 22 tháng 10 năm 2019 và văn bản số 3466/STC-QLGCSĐT ngày 16
tháng 12 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đối với tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;



trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ha/năm.

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/ha/năm.

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/ha/năm.

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/ha/năm.

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng)/ha/năm.

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác với mức thu tiền sử dụng khu vực biển là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ha/năm.

7. Thời điểm áp dụng: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.

2. Căn cứ mức thu được quy định tại Điều 2, Cục Thuế có trách nhiệm:

a) Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định.

b) Cuối năm tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng kết quả về thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp giáp với biển phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thực hiện các công việc liên quan khi có yêu cầu.

4. Sở Tài chính theo dõi, phối hợp các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp giáp với biển chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân hàng năm ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

5. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh, TT CNTT&TT;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, Hào.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vinh